Chi tiết mã HS 3823.13.00

Mã HS	3823.13.00
Mô tả hàng hóa	Axit béo monocarboxylic công nghiệp; dầu axit từ quá trình tinh lọc; cồn béo công nghiệp / - Axit béo monocarboxylic công nghiệp; dầu axit từ quá trình tinh lọc: / - - Axit béo dầu tall
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 13:54:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38231300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5489
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5489
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5489
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5356
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5317
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5317
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5317
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5317
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5317
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5317
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5361
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5361
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5361
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5361
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5361
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5359
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5359
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5359
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5359
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5359
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5359
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5361
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5323
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5319
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5319
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5319
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5319
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5319
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5319
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5328
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5328
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5328
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5328
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5328
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5328
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5369
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5369
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5369
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5369
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5369
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5370
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5370
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5370
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5370
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5370
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5370
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5373
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5373
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5373
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5373
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5373
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5373
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D5342
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E5342
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F5342
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5342
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5342
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5342
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D5344
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E5344
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F5344
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5344
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5344
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5342
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5342
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5342
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5342
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5342
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5342
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5342
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5363
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5363
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5363
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5363
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5363
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5363
RCEP B	2022	2022	0	B!D5363
RCEP B	2023	2023	0	B!E5363
RCEP B	2024	2024	0	B!F5363
RCEP B	2025	2025	0	B!G5363
RCEP B	2026	2026	0	B!H5363
RCEP B	2027	2027	0	B!I5363
RCEP C	2022	2022	0	C!D5363
RCEP C	2023	2023	0	C!E5363
RCEP C	2024	2024	0	C!F5363
RCEP C	2025	2025	0	C!G5363
RCEP C	2026	2026	0	C!H5363

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5363
RCEP D	2022	2022	0	D!D5363
RCEP D	2023	2023	0	D!E5363
RCEP D	2024	2024	0	D!F5363
RCEP D	2025	2025	0	D!G5363
RCEP D	2026	2026	0	D!H5363
RCEP D	2027	2027	0	D!I5363
RCEP E	2022	2022	0	E!D5366
RCEP E	2023	2023	0	E!E5366
RCEP E	2024	2024	0	E!F5366
RCEP E	2025	2025	0	E!G5366
RCEP E	2026	2026	0	E!H5366
RCEP E	2027	2027	0	E!I5366
RCEP F	2022	2022	0	F!D5363
RCEP F	2023	2023	0	F!E5363
RCEP F	2024	2024	0	F!F5363
RCEP F	2025	2025	0	F!G5363
RCEP F	2026	2026	0	F!H5363
RCEP F	2027	2027	0	F!I5363
VIFTA	2024	2024	9	VI!F4933
VIFTA	2025	2025	8	VI!G4933
VIFTA	2026	2026	7	VI!H4933
VIFTA	2027	2027	6	VI!I4933

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3823.13.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3823.13.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5489), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.